

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 141/2026/NĐ-CP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 116/2025/QH15, Luật số 127/2025/QH15, Luật số 133/2025/QH15, Luật số 141/2025/QH15, Luật số 143/2025/QH15, Luật số 09/2026/QH16;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 141/2026/NĐ-CP.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 1 Điều 9 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 9 của Nghị định số 320/2025/NĐ-CP

“b) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

Đối với các trường hợp: Mua sản phẩm là nông, lâm, thủy sản của người sản xuất, đánh bắt trực tiếp bán ra; mua sản phẩm thủ công làm bằng đay, cói, tre, nứa, lá, song, mây, rơm, vỏ dừa, sọ dừa hoặc nguyên liệu tận dụng từ sản phẩm nông nghiệp của người sản xuất thủ công trực tiếp bán ra; mua phế liệu của người trực tiếp thu nhặt; mua đồ dùng, tài sản của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp bán ra; mua hàng hóa, dịch vụ của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (không bao gồm các trường hợp nêu trên) có mức doanh thu dưới ngưỡng doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng phải có chứng từ chi trả tiền theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ cho người bán (~~đối với trường hợp giá trị mua hàng hóa, dịch vụ trong ngày của từng hộ, cá nhân từ~~

~~05 triệu đồng trở lên phải thanh toán không dùng tiền mặt~~) và Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của doanh nghiệp ký và chịu trách nhiệm.

Đối với trường hợp giá trị mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và tài sản khác trong ngày của từng hộ gia đình, cá nhân (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh) quy định tại điểm này từ 05 triệu đồng trở lên phải thanh toán không dùng tiền mặt, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;”;

2. Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 1 Điều 9 của Nghị định số 320/2025/NĐ-CP

“d) Quy định về thanh toán không dùng tiền mặt tại điểm b và điểm c khoản này không áp dụng đối với trường hợp doanh nghiệp trả lương và các khoản chi cho người lao động, thanh toán cho hộ gia đình, cá nhân (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh quy định tại điểm b khoản này) mà tại thời điểm doanh nghiệp chi trả, thanh toán các đối tượng này có “Nơi ở hiện tại” theo quy định của pháp luật về cư trú thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 22 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư trong các trường hợp sau:

d1) Doanh nghiệp mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và tài sản khác của hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp được lập Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm b khoản này;

d2) Doanh nghiệp thanh toán tiền lương, tiền công, tiền thưởng, phụ cấp, trợ cấp và các khoản chi khác cho người lao động;

d3) Quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô thanh toán tiền lãi cho cá nhân, hộ gia đình.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 của Nghị định số 320/2025/NĐ-CP

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 18 như sau:

“a) ~~Ứng dụng công nghệ cao~~, Đầu tư mạo hiểm cho phát triển công nghệ cao ~~thuộc danh mục công nghệ cao~~ được ưu tiên đầu tư phát triển, ~~theo quy định của Luật Công nghệ cao; ứng dụng công nghệ chiến lược; theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao~~ doanh nghiệp công nghệ chiến lược theo quy định của Luật Công nghệ cao; đầu tư xây dựng - kinh doanh cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao;”;

2. Thay thế cụm từ “an toàn thông tin mạng” bằng cụm từ “an ninh mạng” tại điểm b khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 320/2025/NĐ-CP.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 2 Điều 18 như sau:

“e) Doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 2 ~~doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao~~ theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;”;

4. Bổ sung điểm e1 và điểm e2 vào sau điểm e khoản 2 Điều 18 như sau:

“e1) Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược, Doanh nghiệp công nghệ chiến lược, Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, Doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 1 theo quy định của pháp luật về công nghệ cao;

e2) Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao;”;

5. Thay thế cụm từ “khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư” bằng cụm từ “khoản 2 Điều 17 Luật Đầu tư” tại điểm h khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 320/2025/NĐ-CP.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 3 Điều 18 như sau:

“a) Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP của pháp luật về đầu tư, trừ địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại số thứ tự 55 Phụ lục III danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ);

b) Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP của pháp luật về đầu tư, trừ địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn quy định tại số thứ tự 55 Phụ lục III danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ);”;

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 của Nghị định số 320/2025/NĐ-CP

1. Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 19 như sau:

“1a. Áp dụng thuế suất 10% trong 25 năm đối với thu nhập của doanh nghiệp quy định tại điểm e1 khoản 2 Điều 18 của Nghị định này.”;

2. Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 4 Điều 19 như sau:

“d) Thu nhập của doanh nghiệp quy định tại điểm e2 khoản 2 Điều 18 của Nghị định này.”;

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 19 như sau:

“7. Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới của doanh nghiệp quy định tại Điều này (bao gồm cả dự án quy định tại điểm g và điểm h khoản 2 Điều 18 của Nghị định này) được tính từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu.

Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận văn bản xác nhận doanh nghiệp công nghệ chiến lược, văn bản xác nhận doanh nghiệp công nghệ cao, văn bản xác nhận doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ sau thời điểm phát sinh doanh thu thì thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi được tính kể từ năm được cấp văn bản xác nhận, Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận ưu đãi.

Trường hợp doanh nghiệp hoặc dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận ưu đãi, văn bản xác nhận nhiều lần thì quy định tại khoản này áp dụng đối với Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận ưu đãi, văn bản xác nhận được cấp lần đầu tiên.”;

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 của Nghị định số 320/2025/NĐ-CP

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 20 như sau:

“a) Thu nhập của doanh nghiệp quy định tại khoản 1 và khoản 1a Điều 19 của Nghị định này;”;

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 20 như sau:

“4. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư, trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong 03 năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ 04.

Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận văn bản xác nhận doanh nghiệp công nghệ chiến lược, văn bản xác nhận doanh nghiệp công nghệ cao, văn bản xác nhận doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ sau thời điểm phát sinh thu nhập thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính kể từ năm được cấp văn bản xác nhận, Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận ưu đãi. Trường hợp tại năm cấp văn bản xác nhận, Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận ưu đãi mà chưa có thu nhập

thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính kể từ năm đầu tiên có thu nhập, nếu trong 03 năm đầu kể từ năm được cấp văn bản xác nhận, Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận ưu đãi mà doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế thì thời gian miễn thuế, giảm thuế tính từ năm thứ 04 kể từ năm cấp văn bản xác nhận, Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận ưu đãi.

Trường hợp doanh nghiệp hoặc dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận ưu đãi, văn bản xác nhận nhiều lần thì quy định tại khoản này áp dụng đối với Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận ưu đãi, văn bản xác nhận được cấp lần đầu tiên.”;

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 của Nghị định số 320/2025/NĐ-CP

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 23 như sau:

“b) Trường hợp doanh nghiệp đã hưởng hết ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp mà được cấp ~~Giấy chứng nhận~~ văn bản xác nhận doanh nghiệp công nghệ chiến lược, văn bản xác nhận doanh nghiệp công nghệ cao, văn bản xác nhận doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao, Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thì được hưởng ưu đãi cho thời gian còn lại. Thời gian ưu đãi còn lại được xác định bằng mức ưu đãi áp dụng cho doanh nghiệp công nghệ chiến lược, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học công nghệ, dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trừ đi thời gian ưu đãi đã hưởng trước đó theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp (số năm đã áp dụng miễn thuế, giảm thuế và thuế suất ưu đãi);”;

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 6 Điều 23 như sau:

“a) Trường hợp doanh nghiệp công nghệ chiến lược, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong kỳ tính thuế đầu tiên phát sinh doanh thu hoặc trong kỳ tính thuế đầu tiên có thu nhập có thời gian phát sinh doanh thu, thu nhập được hưởng ưu đãi thuế dưới 12 tháng, doanh nghiệp được lựa chọn hưởng ưu đãi thuế (thuế suất, thời gian miễn thuế, giảm thuế) ngay từ kỳ tính thuế đầu tiên đó hoặc đăng ký với cơ quan thuế thời gian bắt đầu được hưởng ưu đãi thuế từ kỳ tính thuế tiếp theo. Trường hợp doanh nghiệp đăng ký thời gian ưu đãi thuế vào kỳ tính thuế tiếp theo thì phải xác định số thuế phải nộp của kỳ tính thuế đầu tiên để nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định”.



3. Sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 23 như sau:

“11. Doanh nghiệp công nghệ chiến lược, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ hoạt động công nghệ chiến lược, công nghệ cao, sản xuất sản phẩm công nghệ cao, ứng dụng công nghệ cao, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và các khoản thu nhập có liên quan đến trực tiếp từ hoạt động công nghệ chiến lược, công nghệ cao, sản xuất sản phẩm công nghệ cao, ứng dụng công nghệ cao, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.

2. Quy định về điều kiện thanh toán không dùng tiền mặt tại Điều 1 Nghị định này áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2026.

3. Quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 2, Điều 3, Điều 4 và Điều 5 Nghị định này áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

4. Quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 2 Nghị định này áp dụng từ ngày 01 tháng 3 năm 2026.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 25 của Nghị định số 320/2025/NĐ-CP như sau:

“1a. Tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao hoặc Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao theo quy định của Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12 được tiếp tục hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận, cho đến khi hết thời hạn ghi trên Giấy chứng nhận.”;

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Lê Minh Hưng

